

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2024

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2024 như sau:

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NĂM 2024; BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước;

Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước;

Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 133/2018/TT-BTC;

Thông tư số 107/2017/ TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên.

Công văn số 14165/BTC-KBNN ngày 21/11/2019 của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin tài chính và phối hợp giải trình, thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước tỉnh.

Công văn số 5278/BTC-KBNN ngày 22/4/2025 của Bộ Tài chính về việc một số nội dung liên quan công tác lập Báo cáo tài chính nhà nước năm 2024.

II. BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Năm 2024, kinh tế – xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng

kinh tế thế giới. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế – xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nói lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự đồng hành của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của các bộ ngành và địa phương; sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; tình hình kinh tế – xã hội nước ta năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng tháng, từng quý, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, các cân đối lớn được đảm bảo, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Đối với tỉnh Quảng Bình, năm 2024 là năm bứt phá, có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, điều hành của Chính phủ về ưu tiên, thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng; khắc phục khó khăn, thách thức, tranh thủ thời cơ, vận hội mới, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, trong đó chú trọng các giải pháp về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, thu ngân sách, phát triển quỹ đất, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh,... cùng với sự cố gắng, nỗ lực của doanh nghiệp và Nhân dân, cả tỉnh quyết tâm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh đã đạt được những kết quả toàn diện trên nhiều lĩnh vực: Sản xuất nông nghiệp đạt kết quả cao, năng suất và sản lượng lúa tăng so với năm trước; sản xuất công nghiệp duy trì tăng trưởng; các ngành dịch vụ tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực; các giải pháp cải cách hành chính được triển khai mạnh mẽ, môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện; công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, an sinh xã hội được quan tâm, đời sống của Nhân dân được nâng cao; tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, góp phần phát triển kinh tế xã hội, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của doanh nghiệp và Nhân dân.

Phần thứ hai

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NĂM 2024

I. SỐ LIỆU BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (Mẫu phụ lục I đính kèm)



Báo cáo này phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản nhà nước tỉnh tại thời điểm 31/12/2024. Cụ thể, Báo cáo này phản ánh quy mô tài sản khu vực nhà nước, đang nằm ở đâu và được hình thành từ những nguồn nào.

Theo đó, tại phần A: Tài sản của Nhà nước trên phạm vi tỉnh tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 62.788.803 triệu đồng, trong đó:

- Tiền tại quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính và các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước¹ 6.429.614 triệu đồng, chiếm 10,2% tổng tài sản;

- Các khoản đầu tư tài chính (ngắn hạn, dài hạn) tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 1.688.996 triệu đồng, chiếm 2,7% tổng tài sản; trong đó vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính do địa phương quản lý 1.410.089 triệu đồng (số liệu được cung cấp bởi Sở tài chính tỉnh Quảng Bình);

- Các khoản phải thu của Nhà nước 4.300.228 triệu đồng, chiếm 6,8% tổng tài sản;

- Hàng tồn kho gồm: hàng hóa dự trữ quốc gia và nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 101.494 triệu đồng;

- Tài sản cố định (giá trị còn lại sau khấu hao, hao mòn) là 43.879.587 triệu đồng, chiếm 69,9% tổng tài sản, gồm tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và nước sạch do địa phương quản lý (20.304.927 triệu đồng) và tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước quản lý (các bất động sản, nhà cửa, thiết bị là 11.220.247 triệu đồng và tài sản cố định vô hình là 12.354.411 triệu đồng).

- Giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 6.001.570 triệu đồng, chiếm 9,6% tổng tài sản;

- Các tài sản (ngắn hạn, dài hạn) khác của Nhà nước 387.130 triệu đồng, chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng tài sản.

Tương ứng với các tài sản nêu trên, Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (BCTHTCNN) tỉnh phản ánh nguồn hình thành các tài sản này. Các tài sản nêu trên được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn (vốn chủ sở hữu) của nhà nước (được hình thành và tích lũy qua các năm từ hoạt động thu chi tài chính, ngân sách) và nguồn thặng dư (lũy kế).

- Tại phần B: Tổng công nợ của Nhà nước trên địa bàn tỉnh tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 2.400.810 triệu đồng, bao gồm:

- Nợ của chính quyền địa phương là 636.498 triệu đồng², chiếm 26,5% tổng công nợ của Nhà nước tại địa phương bao gồm các khoản địa phương vay lại của Chính phủ.

¹ Số liệu chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu tương ứng trên BCTHTTTC huyện, BCCCTTTC của KBNN cấp tỉnh, chỉ tiêu "Tiền" trên BCCCTTTC của Cục Thuế, các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh.

² Số liệu được cung cấp từ Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình.

- Nợ phải trả của khu vực HCSN (đơn vị đi vay, nợ phải trả nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ là đơn vị bên ngoài khu vực Nhà nước) là 1.761.137 triệu đồng, chiếm 73,4% tổng công nợ của Nhà nước;

Tổng công nợ của Nhà nước 2.400.810 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 3,8% so với tổng tài sản của Nhà nước 62.788.803 triệu đồng.

Các khoản phải trả ngắn hạn khác 1.761.137 triệu đồng tập trung chủ yếu ở các đơn vị thuộc khối đơn vị hành chính (1.306.106 triệu đồng), khối đơn vị sự nghiệp (448.459 triệu đồng).

- Thặng dư lũy kế đạt 42.872.642 triệu đồng, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng nguồn vốn của Nhà nước.

- Nguồn vốn khác (bao gồm các quỹ của ĐVDT cấp I và Tài sản thuần của đơn vị áp dụng chế độ kế toán khác) là 1.878.133 triệu đồng, chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng nguồn vốn của Nhà nước.

2. Báo cáo Kết quả hoạt động tài chính nhà nước (Phụ lục II đính kèm)

Khác với BCTHTCNN năm 2024 phản ánh tài sản và nguồn hình thành (lũy kế) của nhà nước đến hết năm 2024, thì Báo cáo Kết quả hoạt động tài chính nhà nước (BCKQHĐTCNN) năm 2024 chỉ phản ánh số liệu doanh thu và chi phí của khu vực nhà nước theo từng năm của 2 năm liên kế (2023 và 2024).

Về mặt nguyên tắc, đối với doanh nghiệp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) trong một kỳ hoạt động của doanh nghiệp và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh chính. Đối với khu vực nhà nước, báo cáo này chỉ ra sự cân bằng giữa thu nhập (doanh thu) và chi phí trong từng kỳ kế toán của khu vực nhà nước, trong đó tập trung vào hoạt động thu, chi thuộc NSNN và các hoạt động ngoài NSNN của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước (ví dụ: hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp; hoạt động thu chi từ khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị...).

Theo đó, tổng thu nhập năm 2024 của tỉnh Quảng Bình là 17.910.504 triệu đồng, trong đó: Thu thuộc NSNN là 16.424.097 triệu đồng, tương đương 91,7% tổng thu của Nhà nước; thu không thuộc NSNN là 1.486.407 triệu đồng, chiếm 8,3% tổng thu của Nhà nước. Cụ thể:

- Thu của NSNN phản ánh các khoản thu thuộc phạm vi quản lý của NSNN, trong đó: Thu thuế 1.840.142 triệu đồng, chiếm 11,2% thu thuộc NSNN; thu phí, lệ phí 554.120 triệu đồng, chiếm 3,4% thu thuộc NSNN; thu khác³ thuộc NSNN 14.017.767 triệu đồng, chiếm 85,4% thu thuộc NSNN.

³ Phản ánh doanh thu khác thuộc NSNN phát sinh trong năm báo cáo (như thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản; thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, phạt, tịch thu,...; thu từ bán, thanh lý tài sản nhà nước hoặc tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước; doanh thu hoạt động tài chính, ...).

Số liệu được tổng hợp từ chỉ tiêu: "Doanh thu khác" trên BCTHTTC huyện; "Thu khác của ngân sách nhà nước" trên BCCCTTTC của: cơ quan thuế (bộ tỷ lệ điều tiết theo quy định); KBNN cấp tỉnh (ngoài các

Handwritten signature

Tổng chi của Nhà nước trên phạm vi tỉnh là 11.446.577 triệu đồng, trong đó chi từ nguồn NSNN là 10.040.263 triệu đồng, tương đương 87,7% tổng chi của Nhà nước; chi từ nguồn ngoài NSNN là 1.406.315 triệu đồng, tương đương 12,3% tổng chi của Nhà nước. Gồm:

- Chi từ nguồn NSNN, trong đó: chi tiền lương, tiền công và chi khác cho con người⁴ 4.955.791 triệu đồng, chiếm 49,4% chi từ nguồn NSNN; chi vật tư, công cụ, dịch vụ 232.581 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,3%; chi phí hao mòn 2.026.330 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 20,2%; chi khác (chi hỗ trợ của NSNN cho các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, chi khác của xã,...) là 2.797.105 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 27,9% chi từ nguồn NSNN; chi tài chính (chi trả lãi vay, phí, lệ phí liên quan đến các khoản nợ của chính quyền địa phương, nợ của Chính phủ) năm 2024 là 28.455 triệu đồng chiếm tỷ lệ nhỏ.

Như vậy, các hoạt động thu chi NSNN vẫn là nguồn hình thành chủ yếu cho các khoản thặng dư tài chính hàng năm của tỉnh. Đây là một kết quả tích cực, tạo nguồn lực tài chính cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Doanh thu và chi phí của hoạt động ngoài NSNN còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Điều này phản ánh các khoản thu chi NSNN nước vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của nhà nước; mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ...) từ khu vực nhà nước còn thấp.

Thặng dư tài chính của Nhà nước tại tỉnh năm 2024 là 6.463.926 triệu đồng. Tăng tuyệt đối so với năm 2023 là 2.712.251 triệu đồng tương ứng 72,3%, nguyên nhân là do năm 2024 tổng thu nhập của Nhà nước tăng 4.056.522 triệu đồng trong khi tổng chi phí chỉ tăng 1.344.271 triệu đồng so với năm 2023.

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Phụ lục III đính kèm)

Số liệu tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ 2024 khớp số liệu về tiền và các khoản tương đương tiền trên BCTHTCNN năm 2024.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu trên phạm vi tỉnh năm 2024 là 3.539.969 triệu đồng (dòng tiền thu vào), trong đó gồm thu vào từ thặng dư năm 2024 là 6.463.926 triệu đồng và chi ra từ điều chỉnh các khoản là 2.923.957 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư trên phạm vi tỉnh năm 2024 là 4.408.877 triệu đồng (dòng tiền chi ra), trong đó chủ yếu là chi mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác.

khoản thu khác thuộc NSNN giao cơ quan thuế trực tiếp quản lý, chủ yếu là khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên).

⁴ Số liệu của chi tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu tương ứng trên BCTHTTTC huyện và chỉ tiêu “Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên” từ nguồn NSNN, nguồn viện trợ, nguồn vay nợ nước ngoài trên BCCTTTC của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh.

Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính năm 2024 trên phạm vi tỉnh là - 9.170 triệu đồng (dòng tiền chi ra), trong đó dòng tiền ra từ chi hoàn trả gốc vay là 75.282 triệu đồng, dòng tiền vào từ khoản đi vay là 66.112 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ năm 2024 trên phạm vi tỉnh là 878.078 triệu đồng dòng tiền chi ra. Phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thực thu vào với tổng số tiền thực chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

4. Thuyết minh Báo cáo tài chính nhà nước (Phụ lục IV đính kèm)

Theo quy định, Thuyết minh BCTCNN tỉnh bao gồm 2 phần: Phần thuyết minh (phần lời) và phần số liệu. Phần thuyết minh nêu một số các nội dung liên quan để làm rõ hơn về tình hình kinh tế xã hội, các nguyên tắc, phương pháp kế toán, tổng hợp số liệu... và đặc biệt là giải thích rõ hơn một số số liệu chi tiết trong báo cáo mà các số liệu tổng hợp trên 3 báo cáo tài chính nhà nước nêu trên chưa chi tiết được. Phần số liệu được nêu chi tiết hơn đối với một số số liệu quan trọng, trọng yếu trong 3 báo cáo đã nêu như: chi tiết và biến động các loại tài sản cố định của tỉnh; chi tiết về đầu tư vốn nhà nước tỉnh tại doanh nghiệp; chi tiết các nguồn doanh thu từ các loại thuế (TNDN, VAT...), phí, lệ phí và doanh thu khác...

5. Giải trình một số khác biệt trọng yếu giữa Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Quảng Bình và báo cáo quyết toán NSNN tỉnh năm 2024

Do phạm vi và phương pháp lập BCTCNN khác với báo cáo quyết toán NSNN nên số liệu trên BCTCNN và Báo cáo quyết toán NSNN có nhiều điểm khác biệt giữa các chỉ tiêu, cung cấp những cách nhìn khác nhau giữa số liệu tài chính nhà nước và NSNN.

Một số khác biệt trọng yếu giữa các chỉ tiêu như sau:

- Khác biệt giữa số liệu doanh thu thuộc NSNN và số thu NSNN năm 2024: Doanh thu NSNN phản ánh cả số liệu phải thu NSNN của cơ quan thuế đến hết 2024, do cơ quan thuế quản lý phát sinh trong năm theo Tờ khai của người nộp thuế, văn bản xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tính trừ đi khoản giảm thu phát sinh trong năm báo cáo; trong khi đó số quyết toán thu NSNN 2024 chỉ phản ánh số thực thu NSNN 2024.

- Khác biệt giữa số chi phí từ nguồn NSNN 2024 và số liệu chi NSNN 2024.

Trong số chi phí từ nguồn NSNN cho đầu tư XD CB, số liệu chi phí khấu hao, hao mòn TSCĐ (hình thành từ NSNN do mua sắm hoặc do chi đầu tư XD CB) chỉ được trích dần theo từng năm (tương ứng với tỷ lệ khấu hao, hao mòn theo quy định) từ khi bàn giao TSCĐ hoặc công trình XD CB vào sử dụng; trong khi đó số chi NSNN cho ĐTXD CB hàng năm cho công trình được tổng hợp toàn bộ vào báo cáo quyết toán chi NSNN theo niên độ ngân sách. Ngoài ra, theo phương pháp tổng hợp BCTCNN, chi phí từ nguồn NSNN không tổng hợp các số liệu chi NSNN như: chi chuyển nguồn; loại trừ các khoản chi bổ

sung cân đối, bổ sung mục tiêu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; chỉ cho hoạt động an ninh, quốc phòng; chỉ hỗ trợ cho các đơn vị khác đóng trên địa bàn.

- Khác biệt giữa số thặng dư (thâm hụt) và kết dư NSNN 2024: Từ sự khác biệt về doanh thu với thu NSNN, chi phí với chi NSNN nêu trên dẫn đến sự khác biệt về số liệu giữa thặng dư và kết dư NSNN 2024.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Về việc quản lý các nguồn thu tài chính: Trên BCTCNN năm 2024 cũng như các năm trước thể hiện rõ nguồn thu chính thuộc NSNN là doanh thu từ thuế. Vì vậy, cùng với việc tiếp tục duy trì và tăng cường nuôi dưỡng các khoản thu từ thuế, cần đánh giá, tăng cường và đa dạng hóa các nguồn thu ngoài thuế, đặc biệt là các khoản thu phí của đơn vị sự nghiệp - theo hướng đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ công tác tự chủ tài chính khu vực sự nghiệp công; thu từ các hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực là lợi thế so sánh của tỉnh so với các tỉnh khác (như hoạt động du lịch, dịch vụ; khu công nghiệp nằm gần trung tâm tỉnh ...) để giảm tác động của các khoản thu mang tính phụ thuộc, không bền vững và về lâu dài sẽ cạn kiệt (như khoản thu từ quyền sử dụng đất, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên hiện vẫn đang chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản thu tài chính). Tiếp tục triển khai các giải pháp tăng thu, chống thất thu thuế, trong đó tập trung chống thất thu trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh bất động sản.

- Về việc quản lý chi phí: Cơ cấu chi phí vẫn chủ yếu là chi cho con người và chi xây dựng cơ bản. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước gắn với chủ trương tinh giản biên chế và sắp xếp lại tổ chức bộ máy; nâng cao tính tự chủ và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục tăng cường các giải pháp đẩy nhanh tiến độ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản, tiết kiệm các chi phí tài chính góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội, từ đó tác động lại đến khả năng tạo nguồn cho hoạt động thu tài chính. Tiếp tục điều hành ngân sách chặt chẽ, linh hoạt; đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các chế độ chính sách do trung ương và địa phương ban hành, không để xảy ra tình trạng nợ chính sách.

- Về quản lý tài sản công: Để đảm bảo chính xác số liệu về tài sản là kết cấu hạ tầng, các đơn vị liên quan rà soát và đảm bảo thực hiện theo dõi, hạch toán kế toán đầy đủ các tài sản là kết cấu hạ tầng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời cập nhật, triển khai kịp thời các quy định về quản lý, xử lý tài sản công.

- Về trách nhiệm lập BCTCNN: Để đảm bảo việc tổng hợp BCTCNN chính xác và đúng thời gian quy định, yêu cầu các đơn vị dự toán thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Nghị định 25/2017/NĐ-CP ngày 14/03/2017 của

Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước, Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính Nhà nước và Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ Tài chính.

Trên đây là nội dung Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh, TT UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực XI;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature of Phan Phong Phú]

Phan Phong Phú